

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ
KINH DOANH VẬT TƯ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Đỗ Thị Ngọc Bình	Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Lữ	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2012)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Công Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2012)
Ông Phùng Đạt Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2012)
Ông Đỗ Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trung Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Số: 0115 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 3 đến trang 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ngoài ra, cùng với việc không đưa ra ý kiến ngoại trừ chúng tôi lưu ý đến người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 14 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của Tổng Công ty, đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày theo giá gốc.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 3.



Yỗ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc, kiêm
Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0138/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.419.788.962.593	1.490.492.445.480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	44.859.353.145	61.384.905.007
1. Tiền	111		44.859.353.145	61.284.905.007
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	76.965.769.334	78.223.299.334
1. Đầu tư ngắn hạn	121		81.849.371.926	83.652.329.926
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.883.602.592)	(5.429.030.592)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		982.727.966.651	1.035.147.767.608
1. Phải thu khách hàng	131		858.058.644.183	914.001.506.985
2. Trả trước cho người bán	132		29.878.169.404	28.071.613.395
3. Các khoản phải thu khác	135		102.722.211.763	100.979.128.871
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.931.058.699)	(7.904.481.643)
IV. Hàng tồn kho	140	6	290.443.167.695	284.707.113.399
1. Hàng tồn kho	141		291.775.922.032	285.736.254.530
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.332.754.337)	(1.029.141.131)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.792.705.768	31.029.360.132
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.504.795.163	784.701.749
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.251.218.218	4.053.931.853
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.680.248.423	5.672.403.038
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	17.356.443.964	20.518.323.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		441.528.014.439	437.979.113.775
I. Tài sản cố định	220		321.008.275.170	322.782.989.908
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	39.289.986.326	33.158.294.703
- Nguyên giá	222		90.623.552.157	80.524.990.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(51.333.565.831)	(47.366.696.288)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	4.998.722.072	5.160.314.072
- Nguyên giá	228		7.668.016.028	7.668.016.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.669.293.956)	(2.507.701.956)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	276.719.566.772	284.464.381.133
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		110.797.517.392	109.867.270.545
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	10.124.917.464	10.124.917.464
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	12	96.850.275.973	95.920.029.126
3. Đầu tư dài hạn khác	258	13	14.170.000.000	14.170.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(10.347.676.045)	(10.347.676.045)
III. Tài sản dài hạn khác	260		9.722.221.877	5.328.853.322
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	5.739.584.144	1.651.257.655
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	2.800.390.430	2.886.123.817
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.182.247.303	791.471.850
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.861.316.977.032	1.928.471.559.255

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.613.198.397.476	1.686.752.962.026
I. Nợ ngắn hạn	310		1.363.300.347.722	1.469.550.071.768
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	815.628.946.453	883.428.884.271
2. Phải trả người bán	312		397.240.556.417	433.252.092.902
3. Người mua trả tiền trước	313		46.541.760.361	46.733.974.125
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	2.633.357.541	4.717.413.839
5. Phải trả người lao động	315		4.261.610.998	8.384.591.609
6. Chi phí phải trả	316		18.132.678.089	18.615.098.618
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	1.367.780.385
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		72.274.944.702	65.170.857.552
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	19	3.861.225.022	4.669.267.328
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.725.268.139	3.210.111.139
II. Nợ dài hạn	330		249.898.049.754	217.202.890.258
1. Phải trả dài hạn khác	333	20	137.320.298.684	133.518.909.488
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	110.208.369.070	81.650.658.420
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.369.382.000	2.033.322.350
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		239.139.318.612	233.309.076.797
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	239.139.318.612	233.309.076.797
1. Vốn điều lệ	411		100.150.690.000	100.150.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.585.637.916	81.585.637.916
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.012.784.684)	(1.012.784.684)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		101.797.672	137.028.037
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.404.146.472	13.404.146.472
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.440.037.257	10.440.037.257
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		34.469.793.979	28.604.321.799
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	23	8.979.260.944	8.409.520.432
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 500)	440		<u>1.861.316.977.032</u>	<u>1.928.471.559.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại			
Đô La Mỹ		23.456	160.397
Euro		4.353	4.350



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012


Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.261.782.806.012	2.098.809.093.621
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	1.261.782.806.012	2.098.809.093.621
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		1.197.267.362.277	2.019.808.185.628
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		64.515.443.735	79.000.907.993
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	43.515.641.874	32.029.428.059
7. Chi phí tài chính	22	27	79.781.829.128	83.171.823.125
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		80.163.071.453	80.047.539.162
8. Chi phí bán hàng	24		2.155.076.732	4.120.632.633
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.452.529.118	19.636.591.839
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		4.641.650.631	4.101.288.455
11. Thu nhập khác	31		1.763.897.075	1.839.990.203
12. Chi phí khác	32		235.024.145	62.648.436
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.528.872.930	1.777.341.767
14. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	45	12	1.818.730.581	2.461.688.934
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		7.989.254.142	8.340.319.156
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	1.172.882.329	2.679.795.556
17. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	52	16	85.733.387	(1.156.458.379)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		6.730.638.426	6.816.981.979
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	23		569.740.511	25.623.672
- Lợi ích của Tổng Công ty			6.160.897.915	6.791.358.307
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29		621	678



Phạm Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.989.254.142	8.340.319.156
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.128.461.543	5.075.266.734
Các khoản dự phòng	03	(215.237.738)	1.080.059.972
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(8.832.792.884)	(18.365.283.585)
Chi phí lãi vay	06	80.163.071.453	80.047.539.162
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	83.232.756.516	76.177.901.439
Biến động các khoản phải thu	09	62.241.931.125	(125.191.504.071)
Biến động hàng tồn kho	10	326.730.648	57.165.198.215
Biến động các khoản phải trả	11	(29.593.709.452)	57.337.856.905
Biến động chi phí trả trước	12	24.742.706	3.427.978.380
Tiền lãi vay đã trả	13	(97.702.280.254)	(93.515.075.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(259.040.770)	(3.016.123.967)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	9.949.052.564	127.255.518.718
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(8.330.957.550)	(146.769.525.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.889.225.533	(47.127.775.315)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.646.163.248)	(12.088.751.497)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.900.000.000)	(2.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.900.000.000	13.958.818.466
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(197.042.000)	(2.266.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	2.089.920.000
6. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	2.659.350.193	13.255.244.989
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.816.144.945	12.949.231.958

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012	Từ 1/1/2011
		đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.403.041.709.280	1.726.045.618.063
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.442.248.696.362)	(1.711.004.943.021)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	-	(12.949.697.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(39.206.987.082)	2.090.977.511
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(16.501.616.604)	(32.087.565.846)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	61.384.905.007	89.417.591.752
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(23.935.258)	80.988.345
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	44.859.353.145	57.411.014.251



Phạm Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là "Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0301460120 ngày 4 tháng 3 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 7 năm 2008 với mã chứng khoán là CNT.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 252 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 394 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc và phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp; xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác; đầu tư kinh doanh nhà, xe máy, thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm; dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi...

Các công ty con

Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA-PSMC (sau đây gọi tắt là "Công ty VINA-PSMC") là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 501022000131 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Long An cấp ngày 22 tháng 7 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty VINA-PSMC là thiết kế, sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn như bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực hình chữ T, cung cấp, lắp đặt các sản phẩm bê tông đúc sẵn nói trên. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty VINA-PSMC là 70%.

Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T - Ukraine ("Công ty C&T - Ukraine") được thành lập tại Ukraine. Hoạt động chính của Công ty C&T - Ukraine là Sản xuất và kinh doanh bao bì. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty C&T - Ukraine là 100%. Công ty này đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của Tổng Công ty được loại trừ khỏi việc hợp nhất báo cáo tài chính vì Công ty này đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong kỳ. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ, các khoản vay, nợ dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá gốc của hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 15
Máy móc, thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	2 - 10
Tài sản khác	2

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất của Công ty mẹ không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất của Công ty VINA-PSMC được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng, chi phí phân bổ nhà xưởng bê tông đúc sẵn Nghi Sơn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí phân bổ nhà xưởng bê tông đúc sẵn Nghi Sơn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác là các chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì Tổng Công ty có thể phân bổ một phần lỗ chênh lệch tỷ giá trong 5 năm tiếp theo sau khi đã hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn đến hạn trả trong năm đó.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 tăng 35.230.365 đồng (năm 2011: tăng 544.852.670 đồng), đồng thời khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” và “Lợi nhuận chưa phân phối” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt tăng và giảm một khoản tương ứng với số tiền là 101.797.672 đồng so với áp dụng theo VAS10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được

72
NH
TY
HỒNH
CTE
NAM
HỘI
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tổng Công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	4.275.161.622	3.373.318.017
Tiền gửi ngân hàng	40.584.191.523	57.911.586.990
Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000
	<u>44.859.353.145</u>	<u>61.384.905.007</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	10.374.892.592	10.177.850.592
Đầu tư ngắn hạn khác	71.474.479.334	73.474.479.334
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	<u>(4.883.602.592)</u>	<u>(5.429.030.592)</u>
	<u>76.965.769.334</u>	<u>78.223.299.334</u>

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng tại các Ngân hàng thương mại với số tiền là 23.600.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 20.000.000.000 đồng), lãi suất 12%/năm, nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty, và khoản cho các công ty liên doanh, liên kết, cá nhân và các công ty khác vay với số tiền là 47.874.479.334 đồng, lãi suất từ 18,7% đến 23,4%/năm.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn với số tiền 545.428.000 đồng (năm 2011: trích lập thêm 1.689.318.400 đồng).

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.144.261.568	9.097.706.550
Công cụ, dụng cụ	844.478.191	737.690.631
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	198.214.338.922	190.091.669.076
Thành phẩm	22.636.571.887	19.531.718.768
Hàng hóa	25.508.237.834	35.804.879.579
Hàng hóa bất động sản (**)	12.076.299.000	12.076.299.000
Hàng gửi đi bán	<u>26.351.734.630</u>	<u>18.396.290.926</u>
	<u>291.775.922.032</u>	<u>285.736.254.530</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.332.754.337)</u>	<u>(1.029.141.131)</u>
	<u>290.443.167.695</u>	<u>284.707.113.399</u>

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng khu đô thị mới tại Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 166.787.031.765 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2011: 165.822.991.890 đồng), chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình mà Tổng Công ty đang thực hiện cho khách hàng với số tiền là 31.427.307.157 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2011: 24.268.677.186 đồng) và các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang khác.

(**) Hàng hóa bất động sản thể hiện giá trị các lô đất mà Tổng Công ty đã mua tại Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Huyện Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với số tiền lần lượt là 6.094.421.000 đồng và 5.981.878.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được cho hàng hóa bất động sản đầu tư do không có đủ thông tin cho các sản phẩm này.

Trong kỳ, Tổng Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 303.613.206 đồng (năm 2011: hoàn nhập 615.027.873 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tạm ứng	10.014.895.429	11.057.964.293
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7.341.548.535	9.460.359.199
	17.356.443.964	20.518.323.492

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2012	16.081.120.044	58.118.890.801	4.955.140.380	1.296.339.766	73.500.000	80.524.990.991
Tăng trong kỳ	-	-	-	17.986.364	-	17.986.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	10.080.574.802	-	-	-	10.080.574.802
Tại ngày 30/6/2012	16.081.120.044	68.199.465.603	4.955.140.380	1.314.326.130	73.500.000	90.623.552.157
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2012	6.351.753.041	36.357.912.603	3.580.544.435	1.002.986.209	73.500.000	47.366.696.288
Khấu hao trong kỳ	705.806.399	3.073.760.698	133.498.697	53.803.749	-	3.966.869.543
Tại ngày 30/6/2012	7.057.559.440	39.431.673.301	3.714.043.132	1.056.789.958	73.500.000	51.333.565.831
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2012	9.023.560.604	28.767.792.302	1.241.097.248	257.536.172	-	39.289.986.326
Tại ngày 1/1/2012	9.729.367.003	21.760.978.198	1.374.595.945	293.353.557	-	33.158.294.703

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt là 41.012.360.787 đồng và 14.728.193.043 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 40.648.868.439 đồng và 16.037.661.962 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, nguyên giá của máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng và tài sản khác bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị lần lượt là 17.722.287.260 đồng, 2.435.192.915 đồng, 877.530.118 đồng và 73.500.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 12.928.427.475 đồng, 2.435.192.915 đồng, 762.014.498 đồng và 73.500.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2012 và 30/6/2012	7.537.894.755	130.121.273	7.668.016.028
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2012	2.380.580.681	127.121.275	2.507.701.956
Khấu hao trong kỳ	159.592.000	2.000.000	161.592.000
Tại ngày 30/6/2012	<u>2.540.172.681</u>	<u>129.121.275</u>	<u>2.669.293.956</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2012	<u>4.997.722.074</u>	<u>999.998</u>	<u>4.998.722.072</u>
Tại ngày 1/1/2012	<u>5.157.314.074</u>	<u>2.999.998</u>	<u>5.160.314.072</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt là 6.383.680.000 đồng và 3.843.507.319 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 6.383.680.000 đồng và 4.003.099.319 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 118.121.273 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Mua sắm tài sản cố định	480.745.869	494.427.951
Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 (*)	275.044.872.700	265.766.506.382
Công trình mỏ đá Trà Đuốc – Kiên Giang	293.675.450	293.675.450
Công trình đường nội bộ và bãi đỗ bê tông, bờ kè	900.272.753	900.272.753
Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn tại Nghi Sơn (**)	-	17.009.498.597
Tổng	<u>276.719.566.772</u>	<u>284.464.381.133</u>

(*) Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 được hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009. Tổng vốn đầu tư của dự án theo hợp đồng là 1.400 tỷ đồng được góp bởi hai bên theo tỉ lệ 50 – 50. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng với tổng chi phí thực hiện là 275.044.872.700 đồng.

(**) Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn tại Nghi Sơn đã được đưa vào sử dụng từ tháng 2 năm 2012.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T-Ukraine. Tổng công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T-Ukraine (thuyết minh số 14) do công ty này đã tạm ngừng hoạt động, đang làm thủ tục thoái vốn. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo hợp nhất của Tổng Công ty theo giá gốc và lập dự phòng giảm giá cho toàn bộ khoản đầu tư là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng không có các nghĩa vụ nợ tiềm tàng nào phát sinh từ hoạt động của công ty con này. Do đó, dự phòng cho nghĩa vụ nợ tiềm tàng không cần thiết phải trích lập.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	4/4 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Kinh doanh nhà. Dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Mua bán thực phẩm tươi sống. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ nhà đất, môi giới bất động sản. Mua bán bánh kẹo, thiết bị máy móc, vải sợi.
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	45,67%	45,67%	Kinh doanh sắt – thép, xi măng, nhựa đường, máy móc thiết bị cho các công trình xây dựng cao ốc văn phòng, đường xá, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, nguyên liệu gỗ, đồ thủ công mỹ nghệ, nông sản và các lĩnh vực dịch vụ khác.
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	49,42%	49,42%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, chất phụ gia bê tông, hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ. Khai thác khoáng sản. Sản xuất vật liệu xây dựng. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây, trạm biến áp. Kinh doanh nhà, mua bán xe máy, thiết bị phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, điện lạnh, gốm sứ, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, cho thuê kho bãi, dịch vụ khai thuê hải quan.
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	Áp Phước Lộc, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	47,75%	47,75%	Khai thác và kinh doanh bến cảng thủy nội địa. Sản xuất và lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn. Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình trạm biến áp, đường dây. Dịch vụ giao nhận, vận tải hàng, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải. Dịch vụ bảo trì, ký gửi hàng hoá. Khai thác và kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

khoáng sản.

Công ty Cổ phần Bao bì Nhơn Trạch	Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	27,12%	27,12%	Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại từ giấy, carton, nhựa, gỗ, các mặt hàng dệt may, nhuộm. Mua bán, đại lý kỹ gờ vật tư hàng hoá ngành sản xuất bao bì, cơ khí. Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư ngành cơ khí và chế tạo máy, các sản phẩm bằng sành sứ, thủy tinh, sợi, dệt, may, sản phẩm bằng da.
-----------------------------------	---	--------	--------	--

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2012 <u>VNĐ</u>	31/12/2011 <u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	26.684.864.239	26.705.599.642
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	9.730.110.000	9.006.036.220
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	9.047.508.220	9.140.028.210
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	38.402.521.370	38.335.159.505
Công ty Cổ phần Bao bì Nhơn Trạch	12.985.272.144	12.733.205.549
	<u>96.850.275.973</u>	<u>95.920.029.126</u>

Thông tin tài chính tóm tắt về khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	30/6/2012 <u>VNĐ</u>	31/12/2011 <u>VNĐ</u>
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	89.361.803.000	89.361.803.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	7.488.472.973	6.558.226.126
	<u>96.850.275.973</u>	<u>95.920.029.126</u>
	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 <u>VNĐ</u>	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 <u>VNĐ</u>
Doanh thu thuần	427.933.750.383	523.892.843.763
Lợi nhuận thuần	4.975.564.314	5.672.097.842
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<u>1.818.730.581</u>	<u>2.461.688.934</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Bê tông Xây dựng Thăng Long	10.200.000.000	10.200.000.000
Dự án BOT cầu Đồng Nai	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thục	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	570.000.000	570.000.000
	<u>14.170.000.000</u>	<u>14.170.000.000</u>

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T- Ukraine	10.124.917.464	10.124.917.464
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thăng Long	222.758.581	222.758.581
	<u>10.347.676.045</u>	<u>10.347.676.045</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T-Ukraine do công ty này đã ngừng hoạt động và đang thực hiện thủ tục thoái vốn. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thăng Long.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng	60.900.000	243.600.000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	138.888.882
Chi phí sửa chữa văn phòng	235.669.037	448.979.807
Chi phí nhà xưởng Nghi Sơn	4.806.412.609	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	636.602.498	819.788.966
	<u>5.739.584.144</u>	<u>1.651.257.655</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ
Tại ngày 1/1/2012	2.886.123.817
Ghi giảm lợi nhuận trong kỳ	(85.733.387)
Tại ngày 30/6/2012	<u>2.800.390.430</u>

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Vay ngắn hạn	799.482.846.453	840.702.484.271
<u>Chi tiết:</u>		
<i>Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	86.538.317.478	99.386.005.064
<i>Ngân Hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4</i>	99.346.530.655	99.895.255.527
<i>Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn</i>	171.036.018.542	174.900.000.000
<i>Công Ty Tài Chính Cổ Phần Xi Măng</i>	-	17.431.553.602
<i>Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	53.941.101.032	54.746.848.495
<i>Ngân Hàng Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Chợ Lớn</i>	132.660.286.004	134.998.025.848
<i>Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận</i>	23.330.623.374	29.250.331.949
<i>Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL - Chi nhánh Gia Định</i>	82.951.159.533	83.000.000.000
<i>Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận</i>	141.847.944.819	143.365.463.786
<i>Tổng Công ty Xây dựng Số 1</i>	5.713.675.000	3.579.000.000
<i>Cá nhân</i>	2.117.190.016	150.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	16.146.100.000	42.726.400.000
	<u>815.628.946.453</u>	<u>883.428.884.271</u>

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại với hạn mức vay là 1.167 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2011: 1.167 tỷ đồng) với lãi suất lãi vay từ 16,5%/năm đến 22,5%/năm. Trong đó:

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Hà Tiên, cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 và tín chấp.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 010.022.002 ngày 19 tháng 4 năm 2010 (quyền đòi nợ), Hợp đồng thế chấp số 010.022.003 ngày 19 tháng 4 năm 2010 (tài sản là máy móc, thiết bị).
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế -CN Sài Gòn (VIB) được đảm bảo bằng hợp đồng cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng & quyền đòi nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.*

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo hợp đồng cầm cố tài sản số 0136/NHNT ngày 12 tháng 5 năm 2010.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn được đảm bảo bằng quyền sử dụng 13.864 m² đất tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc, và toàn bộ tài sản, quyền đòi nợ của Công ty TNHH Bê tông Đức sẵn VINA-PSMC.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 0515.08/HĐTC ngày 30 tháng 12 năm 2008, hợp đồng số 0632.09/HĐTC ngày 16 tháng 2 năm 2009 và hợp đồng số 0591.09/HĐTC ngày 21 tháng 7 năm 2009.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Phú Nhuận được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ các Hợp đồng thi công, Hợp đồng thương mại; Hàng hóa tồn kho, hàng hóa được quản lý theo phương thức hàng tồn kho luân chuyển được quy định cụ thể theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ và Hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 03/2011/HĐTCHHLC-PN/SHB PN ngày 19 tháng 1 năm 2011.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu Tư Phát triển VN – Chi nhánh Phú Nhuận được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền thụ hưởng đối với cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích, Công ty Cổ phần Bao bì Nhơm Trạch và Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thăng Long theo các hợp đồng cầm cố đã ký kết. Thế chấp 18 quyền sử dụng đất thuộc khu đô thị mới thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo hợp đồng thế chấp số 12/2011/93021 ngày 12 tháng 5 năm 2011. Thế chấp 10 lô đất tại Tân Thành – Bà Rịa Vũng Tàu theo hợp đồng thế chấp số 19/2011/93021 ngày 5 tháng 10 năm 2011.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	31/12/2011
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	1.113.855.962	3.341.987.841
Thuế xuất nhập khẩu	12.821.489	202.003.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp	269.490.454	323.800.962
Thuế tài nguyên	272.698.680	106.019.386
Thuế thu nhập cá nhân	544.998.446	507.468.270
Các loại thuế khác	419.492.510	236.134.180
	<u>2.633.357.541</u>	<u>4.717.413.839</u>

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VNĐ
Tại ngày 1/1/2012	4.669.267.328
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	280.064.643
Sử dụng trong kỳ	(1.088.106.949)
Tại ngày 30/6/2012	<u>3.861.225.022</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Đầu tư Xây dựng Phát triển Sông Đà (*)	78.917.298.684	75.425.909.488
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (**)	58.403.000.000	58.093.000.000
	<u>137.320.298.684</u>	<u>133.518.909.488</u>

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Sông Đà để thực hiện Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Dự án này được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009 như đã trình bày tại Thuyết minh số 10.

(**) Đây là khoản vốn góp bởi Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 để thực hiện Dự án chung cư Mỹ Phúc tại Quận 8 tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Dự án này được thực hiện bởi Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc, công ty liên kết của Công ty.

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	33.033.891.589	33.730.991.589
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định	16.600.000.000	16.600.000.000
Ngân Hàng Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Chợ Lớn	-	1.020.200.000
Vay dài hạn cá nhân	36.720.577.481	33.025.866.831
Trái phiếu	40.000.000.000	40.000.000.000
	<u>126.354.469.070</u>	<u>124.377.058.420</u>
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả	<u>(16.146.100.000)</u>	<u>(42.726.400.000)</u>
	<u>110.208.369.070</u>	<u>81.650.658.420</u>

Vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại với hạn mức tín dụng là 53.840.640.000 đồng và các khoản vay khác từ các cá nhân. Lãi suất từ 19%/năm đến 19,56%/năm hoặc được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của ngân hàng tương ứng cộng 4,5%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay đối với các khoản vay từ các ngân hàng và đảm bảo bằng tín chấp đối các khoản vay từ các cá nhân.

Trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc khi đáo hạn bởi Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Chợ Lớn, là trái phiếu không chuyển đổi, để sử dụng cho mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng Công ty, mệnh giá là 1.000.000 đồng/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 2 năm từ tháng 6 năm 2012, lãi suất 18%/năm cố định cho 6 tháng đầu của năm thứ nhất, sau đó tính bằng lãi suất bình quân huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của 5 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Công Thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Chợ Lớn) vào thời điểm tại ngày tính lãi cộng (+) 4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	16.146.100.000	42.726.400.000
Trong năm thứ hai	71.817.419.619	63.243.286.450
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	38.390.949.451	18.407.371.970
	126.354.469.070	124.377.058.420
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(16.146.100.000)</u>	<u>(42.726.400.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	110.208.369.070	81.650.658.420

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	10.015.069	10.015.069
+ Cổ phiếu phổ thông	10.015.069	10.015.069
Số lượng cổ phiếu quỹ	100.000	100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.915.069	9.915.069
+ Cổ phiếu phổ thông	9.915.069	9.915.069

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Tỉ lệ %	Vốn đã góp tại 30/6/2012 và 31/12/2011 VNĐ
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	34,45%	34.500.000.000
Vietnam Property Holding	24,87%	24.905.550.000
Phạm Quốc Khánh	5,60%	5.613.400.000
Khác	35,08%	35.131.740.000
	100%	100.150.690.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại 1/1/2011	100.150.690.000	81.585.637.916	-	681.880.707	11.795.294.630	9.077.152.331	43.004.742.632	246.295.398.216
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	9.828.660.111	9.828.660.111
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.012.784.684)	-	-	-	-	(1.012.784.684)
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	(544.852.670)	-	-	-	(544.852.670)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	1.257.470.534	1.257.470.534	(7.544.823.203)	(5.029.882.135)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.022.603.500)	(15.022.603.500)
Giảm khác	-	-	-	-	351.381.308	105.414.392	(1.661.654.241)	(1.204.858.541)
Tại 1/1/2012	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	137.028.037	13.404.146.472	10.440.037.257	28.604.321.799	233.309.076.797
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	6.160.897.915	6.160.897.915
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	(35.230.365)	-	-	-	(35.230.365)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(295.425.735)	(295.425.735)
Tại 30/6/2012	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	101.797.672	13.404.146.472	10.440.037.257	34.469.793.979	239.139.318.612

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Công ty VINA – PSMC	
	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản thuần		
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn của cổ đông thiểu số	6.921.400.000	6.921.400.000
Quỹ đầu tư và phát triển	476.240.456	476.240.456
Quỹ dự phòng tài chính	142.872.137	142.872.137
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.438.748.351	869.007.839
	8.979.260.944	8.409.520.432
Lợi ích của cổ đông thiểu số		
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn của cổ đông thiểu số	6.921.400.000	6.921.400.000
Quỹ đầu tư và phát triển	476.240.456	476.240.456
Quỹ dự phòng tài chính	142.872.137	142.872.137
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.438.748.351	869.007.839
	8.979.260.944	8.409.520.432

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	Công ty VINA - PSMC
	VND
Lãi trong kỳ	1.899.135.037
Lãi của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	569.740.511

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản và hoạt động xây dựng. Báo cáo doanh thu theo bộ phận thể hiện kết quả của các lĩnh vực kinh doanh trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Bán hàng hóa		
Doanh thu	1.189.778.292.129	2.009.290.120.987
Giá vốn	1.136.552.910.276	1.938.570.098.356
Lợi nhuận gộp	53.225.381.853	70.720.022.631
Cung cấp dịch vụ		
Doanh thu	5.791.872.348	4.814.312.672
Giá vốn	3.442.578.520	2.763.150.913
Lợi nhuận gộp	2.349.293.828	2.051.161.759

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Kinh doanh bất động sản**

Doanh thu	6.301.649.310	4.618.100.694
Giá vốn	5.787.228.960	3.771.312.372
Lợi nhuận gộp	514.420.350	846.788.322

Hoạt động xây dựng

Doanh thu	59.910.992.225	80.086.559.268
Giá vốn	51.484.644.521	74.703.623.987
Lợi nhuận gộp	8.426.347.704	5.382.935.281

Tổng Công ty không tiến hành lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán do không đủ thông tin để tiến hành chia tách.

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	135.415.007.978	64.073.020.701
Chi phí nhân công	20.944.107.238	16.840.169.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.128.461.544	4.913.674.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.847.338.284	4.187.849.669
Chi phí khác	40.952.324.952	95.725.259.114
	239.287.239.996	185.739.973.426

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.103.304.287	15.903.594.651
Cổ tức, lợi nhuận được chia	898.019.815	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	165.544.917	688.812.694
Lãi bán hàng trả chậm	36.336.034.654	15.413.747.731
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.738.201	23.272.983
	43.515.641.874	32.029.428.059

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lãi tiền vay	80.163.071.453	80.047.539.162
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.095.144	1.695.371.461
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(545.428.000)	1.018.182.400
Chi phí tài chính khác	152.090.531	410.730.102
	79.781.829.128	83.171.823.125

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	7.989.254.142	8.340.319.156
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.411.739.283)	(89.829.580)
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết, cổ tức được chia	(3.372.808.396)	(2.461.688.934)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.305.743.903	4.554.779.382
Thu nhập chịu thuế sau điều chỉnh	5.510.450.366	10.343.580.024
Trong đó:		
- Thu nhập chịu thuế với thuế suất 12,5%	1.637.842.100	-
- Thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%	3.872.608.266	10.343.580.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.172.882.329	2.585.895.006
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 2%	-	93.900.550
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau điều chỉnh	1.172.882.329	2.679.795.556

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được tính trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ	6.730.638.426	6.816.981.979
Phân bổ cho:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	569.740.511	25.623.672
- Cổ đông của Tổng công ty	6.160.897.915	6.791.358.307
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.160.897.915	6.791.358.307
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.915.069	10.013.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	621	678

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>1.990.440.288</u>	<u>1.576.960.686</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Trong vòng một năm	2.604.338.023	3.850.267.137
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>3.720.325.452</u>	<u>4.717.686.743</u>
	<u>6.324.663.475</u>	<u>8.567.953.880</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê nhà, thuê văn phòng và thuê đất của Tổng Công ty. Các hợp đồng thuê nhà và thuê văn phòng được ký với thời hạn từ một đến năm năm.

Hợp đồng thuê 8.987 m² đất tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa với giá thuê 0,9 USD/m²/năm từ Công ty Sản phẩm Bê tông SAKURA có thời hạn là 3 năm tính từ ngày 11 tháng 8 năm 2011.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.859.353.145	61.384.905.007
Đầu tư tài chính	187.763.286.726	188.090.569.879
Phải thu khách hàng	850.127.585.484	906.097.025.342
Phải thu khác	102.722.211.763	100.979.128.871
Tài sản tài chính khác	8.523.795.838	10.251.831.049
Tổng cộng	<u>1.193.996.232.956</u>	<u>1.266.803.460.148</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công nợ tài chính**

Vay và nợ	925.837.315.523	965.079.542.691
Phải trả người bán	397.240.556.417	434.619.873.287
Phải trả khác	209.595.243.386	198.689.767.040
Chi phí phải trả	18.132.678.089	18.615.098.618
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.861.225.022	4.669.267.328
Tổng cộng	1.554.667.018.437	1.621.673.548.964

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2012	31/12/2011	30/6/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	489.901.028	4.082.542.518	16.832.267.544	-
Euro (EUR)	108.475.581	108.420.123	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	367.569.415	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 năm trở lên VNĐ	Tổng VNĐ
Vay và nợ	815.628.946.453	110.208.369.070	925.837.315.523
Phải trả người bán	397.240.556.417	-	397.240.556.417
Phải trả khác	72.274.944.702	137.320.298.684	209.595.243.386
Chi phí phải trả	18.132.678.089	-	18.132.678.089
Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.861.225.022	-	3.861.225.022
Tổng cộng	1.307.138.350.683	247.528.667.754	1.554.667.018.437

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Vay và nợ	883.428.884.271	81.650.658.420	965.079.542.691
Phải trả người bán	433.252.092.902	-	433.252.092.902
Phải trả khác	65.170.857.552	133.518.909.488	198.689.767.040
Chi phí phải trả	18.615.098.618	-	18.615.098.618
Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.669.267.328	-	4.669.267.328
Tổng cộng	<u>1.405.136.200.671</u>	<u>215.169.567.908</u>	<u>1.620.305.768.579</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.859.353.145	-	44.859.353.145
Đầu tư tài chính	76.965.769.334	110.797.517.392	187.763.286.726
Phải thu khách hàng	850.127.585.484	-	850.127.585.484
Phải thu khác	102.722.211.763	-	102.722.211.763
Đầu tư tài chính dài hạn	7.341.548.535	1.182.247.303	8.523.795.838
Tổng cộng	<u>1.082.016.468.261</u>	<u>111.979.764.695</u>	<u>1.193.996.232.956</u>

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.384.905.007	-	61.384.905.007
Đầu tư tài chính	78.223.299.334	109.867.270.545	188.090.569.879
Phải thu khách hàng	906.097.025.342	-	906.097.025.342
Phải thu khác	100.979.128.871	-	100.979.128.871
Tài sản tài chính khác	9.460.359.199	791.471.850	10.251.831.049
Tổng cộng	<u>1.156.144.717.753</u>	<u>110.658.742.395</u>	<u>1.266.803.460.148</u>

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Doanh thu thực hiện xây lắp	<u>104.206.452.307</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc**

Cho vay	-	700.000.000
Lãi cho vay nhận được	4.147.411.856	3.896.744.107

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây

Doanh thu bán vật tư	19.350.562.990	441.354.204
Doanh thu khai thác đá	4.367.781.807	2.995.744.808
Mua vật tư	62.098.364.371	51.430.776.863
Mua đá	-	3.382.391.368
Cho vay	-	2.500.000.000
Lãi bán vật tư trả chậm	645.624.311	-
Cổ tức được chia	322.890.000	570.850.000

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích

Doanh thu bán vật tư	59.883.747.421	18.011.857.174
Mua vật tư	69.888.832.621	15.775.236.973
Lãi bán vật tư trả chậm	763.921.071	-

Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa

Góp vốn		
Doanh thu bán vật tư	43.474.596	198.037.500
Chi phí giao thầu xây lắp	21.809.411.144	17.117.553.876
Lãi bán vật tư trả chậm	310.267.036	-
Cho vay	-	3.000.000.000
Thanh toán nợ vay	8.900.000.000	-

Công ty Cổ phần bao bì Nhơn Trạch

Doanh thu bán vật tư	1.261.750.279	-
----------------------	---------------	---

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VNĐ
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	933.462.000	909.500.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	30/6/2012 VNĐ	31/12/2011 VNĐ
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	9.526.407.719	12.580.191.893
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	6.795.662.509	6.622.524.536
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	9.636.113.964	8.071.332.806
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa	532.368.199	1.531.363.636
Công ty Cổ phần Bao bì Nhơn Trạch	-	733.418.530

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản phải thu khác**

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	19.109.055.738	14.961.643.882
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	1.291.561.000	968.671.000
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	769.986.000	-
Ông Phan Trung Huy – Phó Tổng Giám đốc	<u>536.512.500</u>	<u>536.512.500</u>

Các khoản phải trả

Tổng Công ty Xây dựng Số 1	-	1.804.470.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	16.436.610.976	5.505.898.155
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	716.100.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa	823.205.101	23.558.342.528
Công ty Cổ phần Bao bì Nhơn Trạch	<u>6.194.558.715</u>	<u>2.040.372.800</u>

Các khoản người mua trả tiền trước

Tổng Công ty Xây dựng Số 1	-	20.530.959.303
Công ty Cổ phần Bao bì Nhơn Trạch	<u>8.306.110.218</u>	<u>8.100.000.000</u>

Các khoản đi vay

Tổng Công ty Xây dựng Số 1	<u>5.713.675.000</u>	<u>3.579.000.000</u>
----------------------------	----------------------	----------------------

Các khoản cho vay

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	34.920.000.000	34.920.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phước Hòa	<u>3.023.510.000</u>	<u>8.923.510.000</u>

33. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 29 tháng 8 năm 2012.



Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2012


Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

-----****-----

-----****-----

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đã được đã được soát xét
cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012)

Hôm nay, ngày 29 tháng 8 năm 2012, tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Kinh Doanh Vật Tư, Hội Đồng Quản Trị Công ty tổ chức cuộc họp với thành phần tham dự và nội dung như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Bà **Đỗ Thị Ngọc Bình** - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
CMND số 021919917, cấp ngày 18/09/2006 tại Tp.HCM
- Ông **Phạm Anh Tuấn** - Ủy viên Hội Đồng Quản Trị
CMND số 023625719, cấp ngày 17/02/1998 tại Tp.HCM
- Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương** - Ủy viên Hội Đồng Quản Trị
CMND số 023188241, cấp ngày 28/11/2009 tại Tp.HCM
- Ông **Hoàng Anh Tuấn** - Ủy viên Hội Đồng Quản Trị
CMND số 271671387, cấp ngày 23/07/2009 tại Tỉnh Đồng Nai

II. NỘI DUNG

Sau khi xem xét, đánh giá báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012, 100% các thành viên Hội Đồng Quản trị Công ty đã thống nhất phê duyệt để phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 29 tháng 8 năm 2012. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản Trị,



Đỗ Thị Ngọc Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 29 tháng 8 năm 2012

Phạm Anh Tuấn
Ủy viên Hội Đồng Quản Trị